

TRUNG QUỐC PHÁ GIÁ ĐỒNG NHÂN DÂN TỆ VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CHO CHÚNG TA

VŨ NGỌC NHUNG

Ngày 1.1.1994, Trung Quốc tuyên bố giá ngoại tệ theo sát giá thị trường, thực chất là một cuộc phá giá nhân dân tệ.

Giá đô la từ chỗ 5,7 NDT/1USD đã nâng lên thành 8,7NDT, tỷ lệ phá giá là -34,5%. Ở biên giới Việt Trung giá đô la nhích từ 8,4-8,45 NDT/1USD lên 8,55-8,6 NDT/1USD vẫn thấp hơn giá chính thức công bố. Như vậy có thể nói đây là chính sách phá giá kép vừa giảm giá vừa giữ giá đô la cao hơn giá thị trường. Một thứ hàng xuất khẩu của Trung Quốc giá 570 NDT trước phải bán 100 USD nay chỉ cần bán với giá 65.5 USD. Nếu bán 70 USD sẽ giảm giá được -30% mà vẫn lãi thêm 39.15 NDT. Như vậy chắc chắn sẽ kích thích xuất khẩu và sản xuất trong nước. Tất nhiên kết quả không thể toàn vẹn vì phải trừ đi hậu quả của tỷ lệ lạm phát sẽ gia tăng theo sự mất giá đối ngoại này của đồng nhân dân tệ dù nó sẽ được kiềm chế mạnh do Ngân hàng trung ương Trung Quốc không phải chi một khối tiền khổng lồ bù lỗ cho giá đô la cũ như trước đây.

Việc Trung Quốc phá giá đồng nhân dân tệ đặt ra cho chúng ta mấy vấn đề sau đây:

1. Có cần chính sách tỷ giá kéo giá đô la xuống thấp hơn giá thị trường không?

Đối với Việt Nam, Trung Quốc đã thi hành chính sách phá giá tiền tệ từ lâu: Năm 1989 khi giá nhân dân tệ ở thị trường biên giới là 1200đ/1NDT thì Ngân hàng Trung Quốc bán tiền Việt Nam ra theo giá 680đ thấp tới 43% làm cho hàng Trung Quốc tràn sang Việt Nam với giá rẻ vô cùng như lịch giấy, lịch nilon rẻ hơn cả tiền giấy in, tiền nilon nguyên liệu.

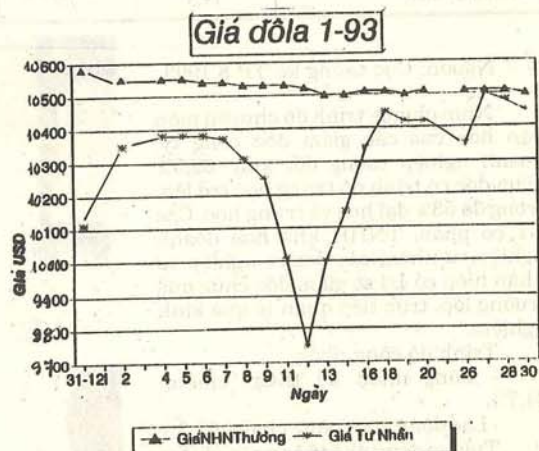
Với chính sách phá giá nhân dân tệ so với tiền ta như vậy, Trung Quốc đã thành công trong việc giữ cho giá VNĐ không tụt xuống theo mức độ lạm phát tới 277% của hai năm 1990 và 1991. Theo tỷ lệ lạm phát này tỷ giá phải là $1200 \times 277\% = 3324đ$ nhưng giá NDT vào lúc cao nhất vào đầu năm 1992 cũng chỉ có 1800đ. Trung Quốc lại tiếp tục kéo giá VNĐ xuống còn khoảng 1400đ đầu năm 1993 và tới nay giá nhân dân tệ cũng chỉ là 1250đ/1NDT, bằng 69,4% năm 1992. Như vậy Trung Quốc đã thi hành chính sách giảm giá liên tục có nghĩa là đẩy giá tiền ta lên cao 40,6% trong lúc tiền ta bị mất giá trong lạm phát 17,5% năm 1992 và 5,2% năm 1993 cộng chung là 23,6%. Tỷ lệ lạm phát của Trung Quốc là 15,5% năm 1992, nếu coi như ngang với ta, thì hàng Trung Quốc xuất sang ta rẻ đi 40%. Thực tế chính sách đó đã làm cho hàng nội của ta lao đao trước sức cạnh tranh được trợ giá tới 40% như vậy.

Với sức cạnh tranh của hàng Trung Quốc được chính sách phá giá trợ giá tới gần 1/2 như vậy, rõ ràng các doanh nghiệp của ta không thể nào tự mình đối phó được mà rất cần tới sự giúp đỡ của một chính sách tiền tệ khoa học và sáng suốt.

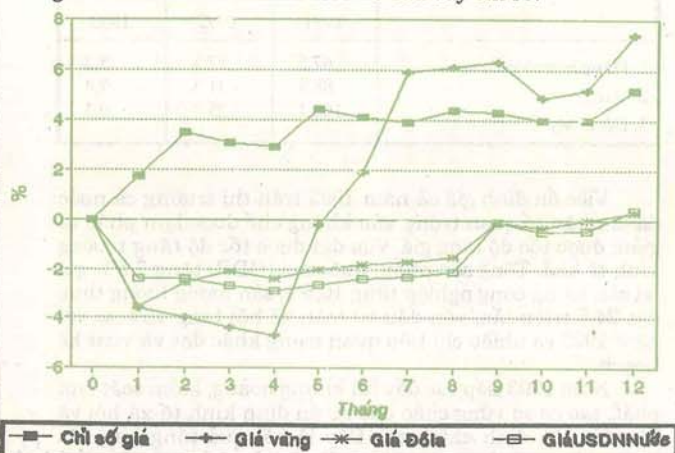
Vì vậy cần phải đặt vấn đề chính sách của người như vậy còn chính sách của ta ra sao?

Năm 1992, chúng ta liên tục giữ giá đô la của nhà nước cao hơn giá thị trường có nghĩa là chống sự giảm giá tự nhiên của đồng đô la sau cơn sốt tâm lý cuối năm 1991 đẩy giá đô la lên tới +104% trong khi tỷ lệ lạm phát chỉ có +66%. Đó là chính sách đúng đắn đã góp phần tạo nên thành tích xuất siêu sau bao nhiêu năm mong đợi.

Nhưng từ tháng 3.93, chính sách tỷ giá đã đột ngột xoay chiều 180°, từ chỗ mua đô la vào với giá cao hơn giá thị trường chuyển sang liên tục bán đô la ra với giá thấp hơn giá thị trường. Biểu đồ so sánh giá đô la giữa tháng 1.93 và tháng 1.94 sau đây cho thấy rất rõ giá đô la của Ngân hàng nhà nước tháng 1.94 chỉ có 2 ngày đầu tháng là cao hơn giá thị trường ngược hẳn với 1.93.



Như vậy Trung Quốc hạ giá nhân dân tệ từ lâu so với tiền ta và gần đây là phá giá so với đôla, còn ta lại tung hàng trăm triệu đôla dự trữ của nhà nước để làm cho tiền ta lên giá so với năm 1992 như biểu đồ sau đây chỉ rõ:



Trên biểu đồ, trong khi đường chỉ số giá cả đi lên thì đường chỉ số giá đôla lại xuống tới -3,5% tháng 1 để rồi mãi tới tháng 12 mới nhích được lên 0,3% so với 5,2% của chỉ số giá. Rõ ràng cách can thiệp để kéo giá đôla của nhà nước xuống thấp hơn giá thị trường đã làm cho tiền ta lên giá so với đôla trong lúc nó bị mất giá 5,2%.

Những lý do đưa ra để bảo chữa cho cách can thiệp này tập trung vào mấy ý sau đây:

a. Cần kềm giá đôla để chống lạm phát. Nhưng phân tích kỹ thì không có lý do này ở chỗ:

- Từ tháng 3.1993 chỉ số giá cả đã chuyển sang số âm tổng cộng -1,6%, trừ ba tháng 5, 8 và 12 có nghĩa là nó đã báo hiệu có thiếu hụt, một căn bệnh ngược với lạm phát, mà Marx đã gọi là khủng hoảng tiền tệ và mô tả nổi kinh hoàng của các nhà tư bản trước tai họa này. Năm 1929 chỉ cần thiếu hụt đạt tới mức -11% là thiếu hụt đã cộng hưởng với suy thoái kinh tế để tạo ra cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới kinh hoàng ba năm 1929-1933. Tỷ giá âm nhiều tháng rõ ràng là một sự chống lạm phát quá đà. Muốn đạt thành tích cao so với mức lạm phát dưới 15% do Quốc hội phê chuẩn là mong muốn tốt lành. Nhưng thành tích cao quá đà lại trở thành hư ảo như kiểu "thành tích" *đào những con kênh không có nước chảy qua* của thời kỳ quan liêu duy ý chí.

- Nếu kềm giá đôla để thực hiện chỉ tiêu lạm phát dưới 15% Quốc hội giao, ví dụ đưa về một con số, thì chỉ cần can thiệp khi nó tăng vượt +9% so với năm 1992 nghĩa là khi giá đôla lên tới $10.800 \times 109\% = 11.772$.

Những người bênh vực cho chính sách tỷ giá quay ngược 180° này thường lẩn tránh không tranh luận cụ thể như trên mà chỉ nêu chung chung giữ giá đôla như vậy là để kềm chế giá cả trong nước. Vấn đề đặt ra cho chúng ta là kềm chế đến mức bao nhiêu %. Với giá đôla chỉ tăng có 0,3% so với năm 1992 sau khi giá âm suốt cả 11 tháng phải chăng thành tích hư ảo muốn đạt được là mức lạm phát 0,3% với 11 tháng thiếu hụt?

Trong thực tế việc đuổi theo thành tích hư ảo trên đã tạo ra những hậu quả đáng tiếc làm giảm đáng kể thành tích lớn về kinh tế và tiền tệ trong năm qua:

- Chúng ta đã chuyển từ xuất siêu năm 1992 sang nhập siêu trên 200 triệu đôla.

- Nhiều ngành sản xuất lao đao do hàng ngoại cạnh tranh qua kiểu bán phá giá nhờ sự trợ giá như kiểu nhân dân tệ, nếu không có chuyện lao đao này, tốc độ phát triển kinh tế sẽ có thể thêm 1-2%.

- Đôla trôi nổi ở thị trường nhiều hơn năm 1992 vì các ngân hàng thương mại không thể mua đôla trôi nổi theo giá

thị trường để tham gia các trung tâm giao dịch ngoại tệ thường xuyên với giá thấp hơn và bị lỗ.

Với những điểm chưa được như trên việc phá giá đồng nhân dân tệ đặt ra vấn đề tiếp theo:

2. Cần khuyến khích xuất khẩu và sản xuất trong nước hay ưu ái cho nhập khẩu?

Nguyên nhân vì đâu mà có những điều chưa được như vậy?

Tôi cho rằng nguyên nhân chủ yếu là do sự quay ngược 180° trong chính sách ngoại hối như đã nói trên. Chúng ta đã bỏ ra nhiều trăm triệu đôla dự trữ của nhà nước để thường xuyên bán ra trong các trung tâm giao dịch ngoại tệ, kèm cho giá đôla thấp hơn giá thị trường. Đây là cách làm ngược lại chính sách tỷ giá ngoại tệ cao mà hầu hết các nước đều theo đuổi. Rõ ràng là bán ngoại tệ với giá thấp cho nhập khẩu là *ưu ái cho nhập khẩu chứ không phải cho xuất khẩu và sản xuất trong nước*.

Tính đến tháng 8.93 giá đôla giảm 1,5% so với tháng 12.92 trong khi chỉ số giá cả chung là 4,4% như vậy là đã giảm tổng cộng $4,4\% - (-1,5\%) = 5,9\%$ làm giảm 5,9% lãi của toàn ngành xuất khẩu. Trong khi đó hàng nhập khẩu rẻ đi 5,9%, đặc biệt là hàng Trung Quốc trợ sức bởi giá nhân dân tệ được đánh sứt xuống chỉ còn 1/2, đã làm cho rất nhiều ngành sản xuất trong nước lao đao phải chờ công nhân nghỉ việc hay thất nghiệp một phần.

Chính sách "nâng giá tiền ta lên" trong khi nó vẫn bị lạm phát nhẹ làm mất giá chung 4,4% (đến 8.93) là điều không thể nào giải thích được bằng các lập luận khoa học. Vì vậy những việc bênh vực cho cách làm này đều dựa trên những lập luận phiến diện không khoa học hay chỉ nhìn thấy lợi ích cục bộ không cân nhắc tới lợi ích chung của đất nước. Xin dẫn ra một ý chính:

- "Giá ngoại tệ thấp có lợi cho sản xuất" vì nhập nguyên liệu rẻ. Thử hỏi bao nhiêu phần trăm xí nghiệp dùng nguyên liệu ngoại và nguyên liệu trong các xí nghiệp đó chiếm bao nhiêu % trong giá bán? Giả sử có 40% xí nghiệp sử dụng nguyên liệu ngoại và trị giá nguyên liệu đó chiếm 40% giá bán thì cái lợi đó chỉ là 16% của tổng giá trị hàng sản xuất trong nước. Chỉ cần tính chi li như vậy là đủ thấy cái lợi đó không thể nào bù được cái hại chung cho xuất khẩu, cho sản xuất, cho nông dân bị giảm giá bán cho xuất khẩu 5,9% vì các chi phí tiêu cực và trung gian có xóa bớt cũng chỉ giảm được 1-2% giá thành và thực tế lại chưa xóa được bao nhiêu.

- "Mấy năm trước cần có chính sách phá giá tiền tệ (đúng ra là giảm giá tiền tệ) còn năm nay không cần nữa". Lý do để không cần không thấy nêu lên hoặc lại bỏ sót như nêu xuất khẩu và nhập khẩu đều tăng nhưng lại quên cái cơ bản là nhập siêu, quên cái cần làm là *giảm giá tiền ta nếu muốn đảo ngược thành xuất siêu*.

- "Cần nâng giá tiền ta lên để chống lạm phát có hiệu quả". Ý này thoạt nghe có vẻ đúng nên các nhà xuất khẩu đã sẵn sàng hy sinh một phần lãi cho "lợi ích chung". Nhưng thực ra "lợi ích chung" này chỉ là sự hiểu lầm của vài cán bộ Ngân hàng nhà nước ưa thích tiền ta lên giá mà không thấy rằng tiền lên giá là biểu hiện của thiếu hụt, căn bệnh còn nguy hiểm hơn lạm phát mà Marx đã gọi là khủng hoảng tiền tệ và mô tả rất kỹ nổi kinh hoàng của các nhà tư bản trước hiện tượng này. Chưa một ai có thể phủ nhận được luận điểm hết sức đúng đắn này của Marx. Vì vậy lập luận "dùng tiền lên giá để chữa bệnh tiền mất giá" như trên sẽ chẳng khác gì bác sĩ mà lại nói có thể lấy sốt rét để chữa sốt nóng.

Do vậy, không nên thấy thành tích chống lạm phát là rất tốt để cho rằng như thế là được rồi không cần lắng nghe thêm về những điều chưa được. Đó là con đường khoa học đi theo và cũng là con đường để khỏi lãng phí nhiều trăm triệu đôla dự trữ của nhà nước vào việc kềm giá đôla không những không có lợi gì mà còn làm giảm thành tích chung như đã phân tích trên ♣